

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2071 /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá Cung cấp vật tư vôi thổi bụi phục vụ BDĐK năm 2027 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư vôi thổi bụi phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2027 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có uy tín, năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp vật tư vôi thổi bụi phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa về trước ngày 23/8/2027.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 10h00 ngày 26/10/2026.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
- Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, được ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như *Phụ lục biểu chào giá đính kèm*) qua thư điện tử theo các địa chỉ Email: nhanbaogia.hn@pvpgb.vn; linhptn@pvpgb.vn.
- Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Phạm thị Ngọc Linh – Phòng Thương mại, Tel: 0968.362.611.

Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc CN (để b/c);
- PGĐ H.Q.Thắng (e-copy);
- Lưu: VT, TM (PTNL).

Đính kèm:

- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.



PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC

(Đính kèm Công văn số 2071/CNPĐ-TM ngày 15/10/2026)

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí tài liệu/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
			Sootblower System								
I		Wall blower		P1/2HCB	IR-2H	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585		PC	
1	58562014		Companion Flange Gasket		Part no: 350257-010A Type C/O Sealing element with centring ring SIZE: 3 in WINDING: Winding Element DIMENSIONAL STANDARD: Dimensions for Spiral wound gaskets used with PN Designated Flanges BS EN 1514-2 FORM: Spiral NOMINAL SIZE: DN80 mm THICKNESS: 5.2 mm PRESSURE RATING: Class 600 OUTSIDE DIAMETER: 133 mm MATERIAL: Spiral Wound/Graphite +304 + 304 INSIDE DIAMETER: 98.5 APPLICATION: Companion Flange Gasket for Sootblower (long blower + wall blower)	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 (Page: 55/82) or (Page: 52/79)	27	PC	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí tài liệu/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
2	53276006		Gasket Flex IR2		Part no: 310493-3118	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 Rev.4 (Page: 59/82) or (Page: 56/79) Item No: 2	70	PC	
3	48911004		Packing - Graphoil		Part no: 394852-1129	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 Rev.4 (Page: 63/82) or (Page: 60/79) Item No: 11	70	SET	
4	48911011		Valve Stem Packing		Part no: 398443-010A	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 Rev.4 (Page: 69/82) or (Page: 66/79) Item No: 11	70	SET	
5	51337002		Air Relief Valve		Part no: 341245-1027	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 Rev.4 (Page: 70/82) or (Page 67/79) Item No: 7	70	PC	
6	58690011		Pinion, 8 Tooth, IR2H - Hydromec		Part no: 397527-010A	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1585 Rev.4 (Page: 75/82) or (Page: 72/79) Item No: 9	70	PC	
II		Long Sootblower		P1/2HCB	IK-545	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584		PC	
7	48911040		Valve Stem Packing		Part no: 680801-05003A	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 Rev.4 (Page: 59/78) or (Page: 56/75) Item No: 13	1	SET	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí tài liệu/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
8	58573008		Gasket, Ø60 Feed Tube		Part no: 680206-12006	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 Rev.4 (Page: 61/78) or (Page: 58/75) Item No: 20	8	PC	
9	48911041		Split Packing Ring		For Ø60 Feed Tube Part no: 680801-05002C	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 Rev.4 (Page: 66/78) or (Page: 63/75) Item No: 1	100	SET	
10	51933001		Packing Bushing		For Ø60 Feed Tube Part no: 680801-01004A	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 Rev.4 (Page: 66/78) or (Page: 63/75) Item No: 5	7	PC	
11	58573021		Gasket		Part no: 680206-14001	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 Rev.4 (Page: 66/78) or (Page: 63/75) Item No: 2	5	PC	
12	51337003		Air Relief Valve (Disc)		Part no: 670300-00250	Diamond Power		SH1-DHI-P1HCB-M-M01-MAN-1584 Rev.4 (Page: 70/78) or (Page: 67/75) Item No: 6	50	PC	
III		Sootblowers/GGH		P1/2HTB1 0AT001/0 02	Blower Type: VX-A-MM Power per Blower: 1,36 kW Travel: 875 mm Steam / LPW Blowing Travel: 825 mm	Clyde Bergemann		SH1-HEG-P0HTB-GE-M05-MAN-8002 Rev.3 page 292			
13	53295017		THRUST BEARING		Part no: BBTBB204014	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE-M05-MAN-8002 Rev.3 (Page: 292/2198) Item No: 3	3	PC	



STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa	Hệ thống/ thiết bị	Tên vật tư/mô tả	Mã KKS	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ phục vụ mua sắm	Mã vị trí tài liệu/Bản vẽ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Ghi chú
14	53295021		3/4" PITCH DUPLEX CHAIN		Part no: FCHGA34D	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 (Page: 292/2198) Item No: 11	0	PC	
14	53295022		CHAIN CONNECTING LINK		Part no: FCLGA34D	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 Rev.3 (Page 292/2198) Item No: 12	1	PC	
15	53295026		HIGH PRESSURE WATER LANCE WAS 76.1 DIA. NOW 73.02 DIA		Part No: 115736_HPWL	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 Rev.3 page 286/2198 (Part No): 115736_HPWL	1	PC	
16	53295027		OPERATING NUT		Part no: NU 23235B	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 Rev.3 (Page 291/2198) Item No: 3	1	PC	
17	53295028		OPERATING SCREW		Part No: OS 23600	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 Rev.3 (Page 286/2198) (Part No): OS 23600	1	PC	
18	53295031		SINGLE ROW RADIAL BEARING		Part no: BBRGB4725	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 Rev.3(Page 294/2198) Item No: 10	8	PC	
19	53295032		INTERNAL CIRCLIP		Part no: FCISB47	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 Rev.3 (Page 294/2198) Item No: 11	4	PC	
20	53295033		VALVE OP. BEARING SHAFT		Part no: SH 23328	Clyde Bergemann	Châu Âu/G7	SH1-HEG-P0HTB-GE- M05-MAN-8002 Rev.3 (Page 294/2198) Item No: 01	4	PC	



PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 2071/CNPD-TM ngày 15/10/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Cung cấp vật tư vôi thối bụi phục vụ BDSCĐK năm 2027 của NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

